

Bản án số: 484/2018/DS-ST
Ngày 18-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính
2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; Trụ sở: 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (theo Giấy ủy quyền số 034/2017/UQ-TTT ngày 03/01/2018).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế P, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 381/7 đường T, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 4 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đức T trình bày: Ngày

30/9/2009 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Thế P. Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 105.123.400 (Một trăm lẻ năm triệu một trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm) đồng.

Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4720-3381: Ông P bắt đầu kích hoạt và sử dụng thẻ từ ngày 15/10/2009, ông P thực hiện các giao dịch tổng cộng là 74.827.000 (Bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn) đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 61.305.000 (Sáu mươi một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4649-7268: Ông P bắt đầu kích hoạt và sử dụng thẻ từ ngày 22/01/2010, ông P thực hiện các giao dịch tổng cộng là 30.296.400 (Ba mươi triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 26.700.000 (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Do trong quá trình sử dụng thẻ, ông P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Do đó, ngày 16/8/2011 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với ông P.

Tính đến ngày 18/10/2018 ông Nguyễn Thế P còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T các khoản nợ sau:

Khoản nợ đối với Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4720-3381 số tiền là 128.679.427 (Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 33.065.756 (Ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn: 95.613.671 (Chín mươi lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn sáu trăm bảy mươi một) đồng.

Khoản nợ đối với Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4649-7268 số tiền là 35.057.355 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi lăm) đồng; Trong đó: số tiền nợ gốc là 9.450.425 (Chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm hai mươi lăm) đồng, nợ lãi quá hạn: 25.606.930 (Hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn chín trăm ba mươi) đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Thế P thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 163.736.782 (Một trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng; Trong đó: số tiền nợ gốc là : 42.516.181 (Bốn mươi hai triệu năm trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi một) đồng, lãi quá hạn là: 121.220.601 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn sáu

trăm lẻ một) đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19/10/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Thế P đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Nguyễn Thế P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 30/9/2009 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với ông Nguyễn Thế P gồm các điều khoản chính như sau: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã cấp Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4720-3381 và Thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank Visa số 4649-7268, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Do đó, ngày 16/8/2011 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã thông báo chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với ông P, kèm theo tiền lãi quá hạn phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 30/9/2009 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 18/10/2018 cho đến nay ông Nguyễn Thế P đã không đóng tiền lãi quá hạn và trả nợ gốc đủ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 474 của Bộ luật

dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó ông Nguyễn Thế P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là số tiền là 163.736.782 (Một trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng; Trong đó: số tiền nợ gốc là : 42.516.181 (Bốn mươi hai triệu năm trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi một) đồng, lãi quá hạn là: 121.220.601 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn sáu trăm lẻ một) đồng và tiền lãi quá tính từ ngày 19/10/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thế P phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 ;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Thế P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 163.736.782 (Một trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 30/9/2009 kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Trong đó: số tiền nợ gốc là : 42.516.181 (Bốn mươi hai triệu năm trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi một) đồng, lãi quá hạn là: 121.220.601 (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm hai mươi ngàn sáu trăm lẻ một) đồng tính đến ngày 18/10/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 18/10/2018 ông Nguyễn Thế P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thì lãi suất mà ông Nguyễn Thế P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng TMCP Sài Gòn T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thế Phương phải chịu là 8.187.000 (Tám triệu một trăm tám mươi bảy ngàn) đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.422.000 (Ba triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu số 0027236 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

